

ĐẢNG BỘ LIÊN KHU V LÃNH ĐẠO XÂY DỰNG CĂN CỨ ĐỊA - HẬU PHƯƠNG Ở MIỀN TÂY CÁC TỈNH NAM TRUNG BỘ VÀ TÂY NGUYÊN (1954-1961)

ThS TRẦN VĂN DU*

Phó Hiệu trưởng Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi

Ngày nhận:

21-6-2025

Ngày thẩm định, đánh giá:

30-7-2025

Ngày duyệt đăng:

13-8-2025

Tóm tắt: Sau năm 1954, ở Liên khu V, vùng tự do đều trở thành vùng địch kiểm soát, chính quyền Sài Gòn thực hiện chính sách “tố cộng”, phá hoại hiệp định Giơnevơ, truy lùng cán bộ, thẳng tay đàn áp các cuộc đấu tranh của nhân dân. Do đó, yêu cầu bức thiết phải xây dựng căn cứ địa, nơi tập trung lực lượng chính trị, quân sự, kinh tế và hậu cần để phục vụ cho cuộc đấu tranh lâu dài; là nơi nuôi dưỡng và bảo vệ cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân. Đảng bộ Liên khu V đã kịp thời chuyển hướng hoạt động, bố trí lại tổ chức, chủ động lãnh đạo xây dựng căn cứ địa - hậu phương, làm bàn đạp để tiến hành các hoạt động đấu tranh chính trị, vũ trang.

Từ khóa:

Đảng bộ Liên khu V, xây dựng căn cứ địa, miền Tây và Tây Nguyên; 1954-1961

1. Tình hình Liên khu V sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954

Sau Hiệp định Giơnevơ, Mỹ gạt Pháp ra khỏi guồng máy cai trị và áp đặt chủ nghĩa thực dân mới tại miền Nam Việt Nam. Chính quyền Mỹ - Ngô Đình Diệm thực hiện chiến lược “tố cộng, diệt cộng” đàn áp phong trào yêu nước, trả thù những người kháng chiến cũ, tiêu diệt cơ sở cách mạng miền Nam. Liên khu V trở thành địa bàn trọng yếu, một vị trí tiên tiêu mà Mỹ - Ngô Đình Diệm ra sức tăng cường lực lượng, lập tuyến phòng thủ xây dựng bàn đạp, chuẩn bị tiến công miền Bắc.

Từ cuối năm 1954, địch tiến hành đánh phá tổ chức đảng và phong trào cách mạng, nhất là ở các vùng tự do cũ. Tính đến tháng 12-1954, chính quyền Ngô Đình Diệm đã tàn sát hàng trăm đồng bào yêu nước, bắt và giết hại 785 cán bộ, trong đó có 43 cán bộ cấp tỉnh, 46 cấp huyện, 78 cấp xã và 316 cấp thôn, xóm¹. Tháng 2-1955, chính quyền Sài Gòn công khai phát động chiến dịch tố cộng giai đoạn 1 nhằm tiến công Đảng Cộng sản và phong trào đấu tranh của nhân dân².

Ở Tây Nguyên và miền núi Liên khu V, địch tập trung vào việc dồn làng, lùng bắt

cán bộ, tuyên truyền, ly gián cán bộ người Kinh với luận điệu “người Kinh ở đất Kinh, người Thượng ở đất Thượng”. Từ tháng 2 đến tháng 4-1955, chúng mở chiến dịch Phan Chu Trinh đánh phá Quảng Nam, chiến dịch Giải phóng đánh phá Quảng Ngãi và Bắc Bình Định, chiến dịch Trịnh Minh Thế đánh phá các tỉnh giải phóng còn lại ở Liên khu V. Cơ sở đảng, cơ sở cách mạng nhiều ở vùng tự do cũ bị vỡ, hàng chục vạn cán bộ, đảng viên, quần chúng cách mạng bị giết hoặc tù đày. Từ tháng 7-1954 đến tháng 2-1956, tại Liên khu V đã có 248 cán bộ từ xã ủy viên bị bắt (gồm 14 tỉnh ủy viên đương chức, 4 cán bộ tương đương cấp tỉnh, 76 huyện ủy viên và tương đương, 154 xã ủy viên) và 24 cán bộ bị giết (trong đó có 2 tỉnh ủy viên, 12 cán bộ huyện, còn lại là cán bộ xã)³. Do tổn thất nặng nề, các địa phương như Quảng Ngãi, Bình Định, Phú Yên, Ninh Thuận lâm vào tình trạng thiếu cán bộ trầm trọng. Số cán bộ còn lại hầu hết bị đánh bật ra, hoạt động thoát ly bất hợp pháp. Đồng bằng tỉnh Ninh Thuận chỉ còn 24/139 cán bộ hoạt động hợp pháp⁴. Một bộ phận đảng viên mất tinh thần, bỏ nhiệm vụ, thậm chí có người tìm đường ra Bắc.

Trước sự khủng bố khốc liệt của kẻ thù, phong trào cách mạng ở bị tổn thất lớn, quần chúng bị kìm kẹp gắt gao, phong trào cách mạng lâm vào thế vô cùng khó khăn. Liên khu ủy V đã lãnh đạo các địa phương chuyển hướng công tác, sắp xếp lại tổ chức và xây dựng căn cứ địa, đưa cán bộ, đảng viên trung kiên để móc nối, xây dựng cơ sở cách mạng trong dân.

2. Xây dựng căn cứ địa - hậu phương ở miền Tây các tỉnh Tây Nam Trung Bộ và Tây Nguyên

Triển khai nhiệm vụ của Liên khu ủy V, Tỉnh ủy Quảng Nam thành lập Ban Căn cứ

giao thông chăm lo việc xây dựng nơi đóng cơ quan Tỉnh ủy và giao thông liên lạc. Đường dây giao liên bí mật từ tỉnh đến huyện, được thành lập. Các trạm liên lạc được bố trí tại các đầu mối giao thông để giữ liên lạc giữa các vùng trong tỉnh. Trong đó có hai vị trí quan trọng nhất, đó là Trung Man phía Tây Đà Nẵng, là nơi Liên khu ủy V đóng trụ sở và làng Brônging (nơi diễn ra Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) vào giữa năm 1958).

Tháng 9-1954, Tỉnh ủy Gia Lai di chuyển lên các căn cứ ở Kon Hà Nừng, Sơ Lam, Sró. Cũng trong thời gian này, Tỉnh ủy Kon Tum dời lên khu căn cứ Kon bóa thuộc xã Hiếu. Ban cán sự Cục Nam đẩy mạnh việc phát động quần chúng xây dựng cơ sở trong vùng đồng bào các dân tộc K'ho, Mạ, Rắc lây, Chu ở các huyện Tánh Linh (Bình Thuận), Anh Dũng, Bắc Ái (Ninh Thuận), Khánh Sơn, Vĩnh Sơn (Khánh Hòa), Di Linh (Lâm Đồng)⁵. Các tuyến giao liên giữa Khu với Trung ương và Nam Bộ, giữa Khu với các tỉnh, giữa các tỉnh có liên quan với nhau được gấp rút tổ chức.

Căn cứ của Tỉnh ủy Gia Lai ở Bắc An Khê, gồm các làng thuộc xã Kon Hà Nừng (khu 1), một số làng của xã Bonâm (khu 2) và xã Lọpà (khu 3). Tỉnh thành lập bộ phận xây dựng căn cứ; bộ phận giao liên tỉnh để giữ đường liên lạc chỉ đạo giữa Liên khu ủy V với tỉnh, đường dây Trung ương Bắc - Nam và đường dây giữa tỉnh với các khu. Các khu cũng tiến hành xây dựng căn cứ đứng chân, gọi là căn cứ lổm, dân sống hợp pháp. Khu 7 lấy các xã Gia Hội, Yama và Đe Sorô để xây dựng căn cứ địa kháng chiến. Khu 3, ngoài căn cứ xã Lọpà, đã xây dựng vùng Bắc Đak Đoa làm nơi đứng chân tiến lên các hướng để xây dựng cơ sở. Khu 6, chọn vùng Đe Duch

(xã Đê Ar) và Đê Keo ở Đông sông Ayun làm địa bàn đứng chân tiến lên vùng Tây sông Ayun. Khu 4 đã dựng vùng phía Tây làng Bek (xã B6, nay là xã Ia Hrun, huyện Ia Grai) lên đến vùng Chư Nghi (Chư Ngheh) gồm các làng Bek (B6), Hlulh Yut, Hlut la Loa, làng Châm, Dung De (B14), làng Dip, Duch (B3), Jrăng, Núi (B13), dựa vào vùng núi cao để làm địa bàn đứng chân hợp pháp lãnh đạo phong trào kháng chiến. Ban cán sự khu 5 chọn địa bàn xã Ia Bông, Ia Puch, Ia Mơ xây dựng căn cứ đứng chân. Khu 8, lấy làng Đê Chơang và một phần Gia Hội và Yang Bắc làm căn cứ bàn đạp.

Thị xã Pleiku (khu 9) địa bàn phụ trách rộng, bao gồm nội thị, đồn điền Bàu Cạn, Biền Hồ, Đak Đoa, vùng người Kinh nông thôn ven thị và vùng các làng đồng bào dân tộc xã Gào, các làng thuộc xã Chư Á và lẻ tẻ các làng người Kinh ven đồn điền, trên đường 19, 14. Ban cán sự khu 9 xây dựng cơ sở các làng Gào Choang, Ring De, Gào Nang, Gào Klah thuộc xã Gào ở phía Nam và các làng Bui, Dut, Ó, Jek, Prông, Nang thuộc xã Ia Sao, phía Bắc thị xã để làm bàn đạp tiến vào nội thị⁶. Huyện H2 (Đông Cheo Reo) tiếp tục xây dựng vùng Đất Bằng làm địa bàn đứng chân. Huyện H3 (Tây Cheo Reo) lấy vùng Dleiya, Buôn Bir, Cầu Cháy, Ea Sol (nay thuộc Ea Hleo, Đăk Lăk) để xây dựng căn cứ của cơ quan huyện và tỉnh Đăk Lăk.

Tháng 1-1955, Tỉnh ủy Quảng Ngãi họp, bàn vấn đề xây dựng căn cứ địa ở đồng bằng và miền núi. Hội nghị chủ trương xây dựng ở đồng bằng 4 căn cứ địa: Diên Niên, Tịnh Bình, huyện Sơn Tịnh; Đá Sơn Tây, Tư Nghĩa, Hành Tín, huyện Nghĩa Hành; An Tây, Phổ Nhơn, Phổ Cường, huyện Đức Phổ. Ở miền núi: Lấy phía Bắc huyện Sơn Hà,

Nam huyện Trà Bồng (vùng núi Cà Đam), và vùng Ba Điền giữa Ba Tư, Minh Long làm căn cứ”⁷. Ngày 25-10-1955, Tỉnh ủy họp rút kinh nghiệm và đề ra các chủ trương công tác lớn, trong đó đề cập vấn đề xây dựng căn cứ địa cách mạng: xác định việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở miền Tây và các vùng giáp ranh, căn cứ lõm ở đồng bằng; quyết định lấy các xã phía Nam huyện Trà Bồng gần Trà Vinh, Trà Thọ, Trà Trung, Trà Tây, Trà Bùi, Trà Tân, Trà Nham, Trà Lãnh làm trung tâm căn cứ của tỉnh.

Mùa hè năm 1956, Liên khu ủy V đề ra chủ trương, nhiệm vụ xây dựng miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng, lấy đó làm cơ sở xây dựng lực lượng vũ trang và nửa vũ trang ở miền núi. Thực hiện chủ trương của Liên Khu ủy, đến đầu năm 1958, Tỉnh ủy Bình Định quyết định xây dựng căn cứ địa cách mạng: “Lấy vùng Cao Vĩnh Thạnh (Kông Ko Ring, Kon Lok, Tuk Ko Roong) và vùng Cao An Lão (từ An Toàn trở vào) làm căn cứ trung tâm của Tỉnh”⁸. Phát động phong trào “làm rẫy cách mạng” và “Tỉnh ủy lập Ban chỉ đạo xây dựng khu căn cứ trung tâm của Tỉnh do đồng chí Đặng Thành Chơn phụ trách”⁹.

Giữa năm 1958, tại làng Brông, Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) họp, đề ra phương hướng: Xây dựng miền núi và Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng vững chắc... Hội nghị chủ trương: xây dựng căn cứ địa trước hết phải xây dựng cho được thế trận lòng dân, phải làm cho dân phân biệt rõ địch ta, quyết tâm chống địch, một lòng, một dạ theo cách mạng, tin tưởng Đảng và bảo vệ Đảng đến cùng¹⁰.

Trước sự phát triển của phong trào kháng chiến ở Liên khu V nói chung, miền Tây

Nam Trung Bộ và Tây Nguyên nói riêng, mùa Thu năm 1958, Trung ương Đảng ra chỉ thị nhấn mạnh nhiệm vụ trước mắt của Tây Nguyên: “xây dựng Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng của ta ở miền Nam, phá âm mưu xây dựng trung tâm căn cứ của Mỹ-Ngô Đình Diệm, tạo điều kiện để thời cơ, tranh thủ chủ động trong mọi tình thế”¹¹. Chỉ thị nêu rõ: trong công tác xây dựng Tây Nguyên phải nắm vững phương châm lâu dài, gian khổ, dựa vào sức mình là chính, thực hiện tốt chính sách dân tộc, kết hợp các hình thức đấu tranh hợp pháp và không hợp pháp, lấy hình thức nửa hợp pháp làm chính, dựa vào công tác vận động chính trị là chính.

Thực hiện chỉ đạo của Đảng, vượt lên hoàn cảnh khó khăn, các tỉnh Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ đã cơ bản xây dựng được những khu an toàn làm nơi đứng chân của các cơ quan lãnh đạo. Tỉnh Kon Tum có khu An toàn Trung Bung, Kêsia, Tâm Túc, Ta KMung, Mô Gia... Tỉnh Gia Lai có căn cứ ở khu vực Nam và Bắc An Khê. Tỉnh Phú Yên có khu Thồ Lồ, bắc Ma Zú. Tỉnh Quảng Ngãi có khu Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ. Tỉnh Bình Định có khu Tây Vĩnh Thạnh. Tỉnh Quảng Nam có khu huyện Hiên. Tỉnh Đắk Lắk có Dlei-Ya. Tỉnh Khánh Hòa có khu Vĩnh Sơn. Tỉnh Bình Thuận có khu Tánh Linh. Tỉnh Lâm

Đông có khu Di Linh¹². Được sự chỉ đạo của Trung ương Đảng và trực tiếp là Liên khu ủy V, những khu an toàn ở vùng miền núi các tỉnh về sau được xây dựng là căn cứ du kích và ngày càng vững chắc và trở thành căn cứ địa cách mạng của mỗi tỉnh thuộc Liên khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước.

Cuối năm 1958, Liên khu ủy Khu V họp hội nghị mở rộng, kiểm điểm tình hình, nêu lên những khó khăn, tồn thất của phong trào

cách mạng trong Khu, rút kinh nghiệm, đồng thời, thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị về xây dựng căn cứ địa cách mạng. Nhận thức được vị trí chiến lược của miền rừng núi: Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ, Hội nghị chủ trương đẩy mạnh phong trào xây dựng miền núi theo hướng “xây dựng miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên thành căn cứ địa cách mạng vững chắc, làm trở lực mạnh mẽ cho đồng bằng tạo thế chung cho cách mạng ở miền Nam”; đồng thời, chuẩn bị lực

Căn cứ địa - hậu phương ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên ra đời là kết quả của sự sáng tạo của Đảng bộ, nhân dân địa phương vừa phát động quần chúng đấu tranh, vừa tiến hành củng cố các căn cứ địa phong trào quần chúng; là kết quả của quá trình kết hợp tiến công và nổi dậy giành quyền làm chủ mà đỉnh cao là phong trào “đồng khởi” ở miền núi Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Từ những căn cứ địa rộng lớn ở miền núi đã tạo điều kiện cho sự phát triển lực lượng cách mạng, đặc biệt là lực lượng vũ trang. Sự ra đời của các căn cứ đứng chân đầu tiên đã tạo ra những điều kiện mới thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ phong trào cách mạng của đồng bằng Khu V.

lượng đầy đủ khi có điều kiện đứng lên giải phóng đất nước¹³.

Tháng 3-1959, Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng ra chỉ thị “về việc xây dựng căn cứ địa cách mạng ở Tây Nguyên”, chỉ rõ: việc xây dựng thành công căn cứ địa Tây Nguyên chẳng những có tác dụng rất lớn đối với cách mạng ở miền Nam mà còn

có tác dụng to lớn đối với việc bảo vệ miền Bắc, đồng thời có ảnh hưởng vô cùng quan trọng đối với cách mạng Lào và Campuchia. Bộ Chính trị xác định rõ căn cứ Tây Nguyên là căn cứ cách mạng chính ở miền Nam, tạo thế cho cách mạng miền Nam chuyển sang tấn công địch. Từ cuối năm 1959 trụ sở Liên khu ủy V chuyển về vùng núi Nước Là, huyện Nam Trà My.

Tháng 4-1960, Liên Khu ủy V họp Hội nghị mở rộng bàn việc triển khai xây dựng căn cứ địa miền núi. Hội nghị nhấn mạnh những kết quả đạt được: Các trung tâm căn cứ đang dần dần được củng cố, mở rộng, và đã bắt đầu làm chủ từng phần; thế hỗ trợ giữa các vùng trong miền núi, giữa miền núi và đồng bằng đang hình thành. Tuy nhiên vẫn còn nhiều khó khăn: Địch tuy bắt đầu bị động đối phó với phong trào ở miền núi nhưng còn không chế được trung tâm Tây Nguyên, đang ra sức đánh phá căn cứ của ta, nhất là phá hoại kinh tế, gây khó khăn cho đời sống nhân dân ở một số nơi bị càn quét ác liệt. Trong chỉ đạo, nhìn chung, chưa phát huy hết khả năng của nhân dân và cán bộ, chưa phát huy hết khả năng về kinh tế và địa thế. Căn cứ vào chủ trương của Trung ương Đảng, tình hình có nhiều khó khăn nhưng thuận lợi vẫn là căn bản, Hội nghị đề ra nhiệm vụ: “Ra sức phát huy hết thuận lợi và khả năng, khẩn trương xây dựng Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh thành căn cứ địa cách mạng vững chắc, làm trở lực mạnh mẽ cho đồng bằng, tạo thế chung cho cách mạng ở miền Nam; đồng thời để đón thời cơ khi thuận”¹⁴. Hội nghị đề ra nhiệm vụ cụ thể: Củng cố, mở rộng và nối liền các trung tâm căn cứ, tiến lên thực sự làm chủ rừng núi; Đẩy mạnh phong trào đấu tranh chính trị rộng rãi, bộ phận tích cực, kết hợp đấu tranh vũ trang

lãnh đạo quần chúng đấu tranh chống địch cướp bóc, dồn dân, chiếm đất, càn quét, khủng bố. Tích cực xây dựng lực lượng về mọi mặt, đẩy mạnh phát triển kinh tế, khẩn trương xây dựng lực lượng vũ trang, củng cố và phát triển cơ sở cách mạng mạnh mẽ, đều khắp, chú ý xây dựng cơ sở Đảng, tranh thủ nắm chắc chính quyền, nhất là ở xã thôn¹⁵.

Thực hiện chủ trương đề ra, Liên khu ủy V lãnh đạo xây dựng 2 căn cứ đứng chân tại huyện Bến Hiên và Bến Giằng thuộc tỉnh Quảng Nam. Các tỉnh ủy đã khẩn trương củng cố, mở rộng các khu căn cứ. Tỉnh Kon Tum củng cố căn cứ Tung Bung, Kêsia, Tân Túc, Xã Đoàn, Mô Gia.... Tỉnh Gia Lai củng cố căn cứ ở Huyện 2, Huyện 7 (Nam, Bắc An Khê). Tỉnh Quảng Ngãi tăng cường xây dựng căn cứ Trà Bồng, Sơn Hà, Ba Tơ. Tỉnh Bình Định củng cố căn cứ Vĩnh Thạnh. Tỉnh Phú Yên đẩy mạnh xây dựng căn cứ Thồ Lô, Ma Dú. Tỉnh Ninh Thuận xây dựng được căn cứ Bác Ái.

Cuối năm 1960, tại vùng căn cứ miền núi Quảng Nam với gần 40.000 dân, về cơ bản đã không còn đồn bốt địch. Các đội du kích xã, thôn ở miền núi ngày càng hoạt động mạnh là lực lượng nòng cốt bảo vệ căn cứ địa cách mạng. Quần chúng được phát động, các đoàn thể được tổ chức rộng rãi, Chính quyền cách mạng không ngừng được củng cố ngày càng vững mạnh. Miền núi trở thành căn cứ địa cách mạng vững chắc, tạo bàn đạp tấn công xuống đồng bằng, nó là chỗ dựa và là vùng căn cứ địa cách mạng vững chắc của phong trào kháng chiến trong tỉnh.

Đến năm 1961, các căn cứ địa cách mạng ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên đã được xây dựng và phát triển ở khắp các địa phương Liên khu V. Kon Tum

có xã Đoàn, xã Hiếu, Tung Bung, Kêsia, Tân Túc, Đắc Min. Gia Lai có Huyện 2, Huyện 7. Quảng Nam có căn cứ Hiên. Quảng Ngãi có khu căn cứ bao gồm 22 xã thuộc vùng cao ba huyện Sơn Hà, Minh Long, Ba Tơ và 8 xã thuộc địa phận phía Nam huyện Ba Tơ. Bình Định có khu căn cứ Vĩnh Thạnh. Phú Yên có các khu Thổ Lô, Ma Dú. Đắc Lắc có Play Ya. Khánh Hòa có Vĩnh Sơn Khánh Sơn. Ninh Thuận có Bác Ái. Bình Thuận, Lâm Đồng có Tánh Linh, Di Linh nối liền nhau từ vùng giáp ranh đồng bằng đến ven đường quốc lộ 20. Các căn cứ là nơi đứng chân của cơ quan liên tỉnh, là hành lang chiến lược và là bàn đạp cho phong trào đồng bằng các tỉnh Nam Trung Bộ.

Sau 6 năm vừa chiến đấu tiến công địch vừa mở rộng các căn cứ giải phóng, dựa vào địa thế rừng núi hiểm trở và tinh thần bất khuất của nhân dân các dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ Liên khu V, quân và dân các địa phương trong Liên khu đã nhanh chóng xây dựng nhiều vùng ở Tây Nguyên và miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ thành căn cứ rộng lớn, liên hoàn, vừa có thể phòng thủ, vừa có thể triển khai hoạt động rộng ra toàn chiến trường. Từ địa bàn rừng núi có thể mở sâu xuống đồng bằng ven biển, tạo ra nhiều vùng giải phóng, nhiều mảng làm chủ, làm nơi đứng chân vững chắc của các lực lượng cách mạng và là bàn đạp tiến công địch.

Căn cứ địa ra đời là kết quả của phong trào quần chúng, của quá trình kết hợp tiến công và nổi dậy giành quyền làm chủ mà đỉnh cao là phong trào “đồng khởi” ở miền núi Nam Trung Bộ và Tây Nguyên. Từ những căn cứ địa rộng lớn ở miền núi đã tạo điều kiện cho sự phát triển lực lượng cách mạng, đặc biệt là lực lượng vũ trang. Sự ra đời của các căn cứ

đứng chân đầu tiên đã tạo ra những điều kiện mới thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của đồng bằng Khu V. Tuy nhiên, quá trình xây dựng căn cứ còn có những hạn chế như không bảo tồn được một số căn cứ đã có ở đồng bằng; các khu căn cứ đã xây dựng được ở vùng đất bằng của Tây Nguyên và dọc biên giới Lào, Campuchia đều nhỏ và ở trong thế cô lập, chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển khi cách mạng miền Nam chuyển từ khởi nghĩa từng phần chiến tranh du kích cục bộ sang chiến tranh cách mạng. Chủ trương xây dựng căn cứ địa ở miền núi Nam Trung Bộ và Tây Nguyên của Liên khu ủy V ra đời chậm. Đến năm 1958, Liên khu ủy chính thức chủ trương xây dựng căn cứ địa thì phong trào cách mạng ở Liên khu V đã tồn thất nhiều. Khí thế quần chúng giảm sút, tư tưởng diễn biến phức tạp. Thực tế cho thấy, chính sự chủ động, sáng tạo của các cấp bộ Đảng và nhân dân ở một số địa phương đã giúp bảo vệ, củng cố các căn cứ địa cũ ở miền Tây Nam Trung Bộ và Tây Nguyên, nhờ đó, bảo vệ được các cơ quan chỉ đạo và cán bộ, đảng viên, phong trào Liên khu V trụ vững được trước sự đánh phá ác liệt của kẻ thù.

3. Một số kinh nghiệm

Quá trình Đảng bộ Liên Khu V lãnh đạo xây dựng căn cứ địa - hậu phương ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên (1954-1961) để lại một số kinh nghiệm có giá trị.

Một là, nắm vững vị trí chiến lược của chiến trường, xây dựng một hệ thống căn cứ liên hoàn, nhất là ở khu vực rừng núi, bảo đảm cho yêu cầu phát triển của từng giai đoạn kháng chiến. Xây dựng căn cứ vùng rừng núi vững chắc là yếu tố quyết định thắng lợi không chỉ

cho chiến trường Khu V mà còn là yếu tố quan trọng trong phát triển thế tiến công chiến lược của cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước ở miền Nam. Xây dựng một hệ thống căn cứ nhỏ liên hoàn ở miền Tây khắp các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên không chỉ là một yêu cầu cấp bách trong việc đẩy mạnh chiến tranh nhân dân địa phương, mà còn tạo ra thế mạnh của toàn khu, tạo thế chủ động tấn công địch trên chiến trường.

Hai là, xây dựng căn cứ địa đi đôi với bảo vệ căn cứ. Thực tế kháng chiến tại miền Tây Nam Trung Bộ và Tây Nguyên những năm 1954-1961 cho thấy việc xây dựng căn cứ không thể tách rời chiến đấu bảo vệ căn cứ địa - hậu phương tại chỗ. Đây là một cuộc chiến đấu toàn diện cả về quân sự, chính trị, kinh tế - văn hóa - xã hội; phải có kế hoạch bố phòng chặt chẽ và toàn diện; xây dựng tinh thần bám trụ kiên cường; làm cho nhân dân hiểu rõ tầm quan trọng của việc bám trụ tại địa phương; vận dụng linh hoạt sáng tạo các cách đánh của chiến tranh nhân dân.

Ba là, xây dựng căn cứ địa hậu phương phải căn cứ vào đặc điểm khu vực và tình hình cách mạng, phải tiến hành về mọi mặt, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của phong trào kháng chiến. Các căn cứ địa hậu phương ở miền Tây các tỉnh Nam Trung Bộ và Tây Nguyên là nhân tố quan trọng để Khu V chuyển từ thế giữ gìn lực lượng sang tiến công địch; đảm bảo là nơi đứng chân vững chắc cho các đơn vị vũ trang Khu V tập kết ra miền Bắc sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 trở lại chiến trường, cùng với lực lượng tại chỗ thực hành tiến công địch khi cách mạng miền Nam chuyển từ khởi nghĩa từng phần, chiến tranh du kích cục bộ sang chiến tranh cách mạng.

Những kinh nghiệm về xây dựng và bảo vệ căn cứ địa - hậu phương thời kỳ kháng chiến vẫn còn ý nghĩa và giá trị vận dụng vào xây dựng và củng cố quốc phòng ở địa phương, xây dựng khu vực phòng thủ trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc hiện nay.

1. Quân đội nhân dân Việt Nam, Đảng ủy, Bộ Tư lệnh Quân khu V: *Công tác Đảng, công tác chính trị lực lượng vũ trang Quân khu V (1945-2000)*, Nxb QĐND, H, 2002, biên niên, T. 2 quyển 1, tr. 39

2. Hội đồng biên soạn Lịch sử Nam Bộ kháng chiến: *Nam Trung Bộ kháng chiến (1945-1975)*, Nxb CTQG, H, 1995, tr. 234-235

3, 4. Ban Thống nhất Trung ương: Báo cáo đặc biệt về tình hình Đảng ở miền Nam từ sau hòa bình tới nay, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng tr. 10, 11

5. Khu V - 30 năm chiến tranh giải phóng, tập II, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (thời kỳ 1954-1968), Bộ Tư lệnh Quân khu V, HN, 1989, tr. 15-16

6. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Gia Lai: *Lịch sử Đảng bộ Gia Lai (1945-2005)*, Nxb CTQG, H, tr. 298

7. Quảng Ngãi lịch sử chiến tranh 30 năm (1954-1975), Nxb Tổng hợp Nghĩa Bình, tr. 152

8, 9. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bình Định: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Bình Định (1954-1975)*, H, 1996, tr. 37, 38

10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng: *Lịch sử Đảng bộ tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng*, Nxb Đà Nẵng, 1996, T. III (1954-1975), tr. 366

11, 12. Đảng bộ Quân khu 5: *Lịch sử Đảng bộ Quân khu 5 (1946-2010), tập 2, thời kỳ kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb QĐND, H, 2010, tr. 54, 54

13. Nghị quyết Hội nghị Liên khu ủy V (mở rộng) năm 1958, tr. 13, tài liệu lưu trữ tại kho lưu trữ Bộ Tư lệnh Quân khu 5

14, 15. Chỉ thị số 9/V3 “về tích cực củng cố và mở rộng căn cứ địa miền núi Liên khu V năm 1960”, tư liệu lưu trữ tại Viện Lịch sử Đảng, K5/ 13.5, tr. 2-3, 2-3.